

CÔNG TY TNHH BLA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BLA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BLA VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109130141

3. Ngày thành lập: 17/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 54, phố Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc ; - Sản xuất thuốc cổ truyền. ;	2100
2.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
4.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
5.	Trồng cây điều	0123
6.	Trồng cây hồ tiêu	0124
7.	Trồng cây cao su	0125
8.	Trồng cây cà phê	0126
9.	Trồng cây chè	0127

10.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
11.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
12.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
13.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
14.	Sản xuất đường	1072
15.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
16.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
17.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
18.	Sản xuất chè	1076
19.	Sản xuất cà phê	1077
20.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
21.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết đóng chai và các sản phẩm nước giải khát	1104
22.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
23.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
24.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
25.	Sản xuất giày, dép	1520
26.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
27.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
28.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
29.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
30.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
31.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
32.	In ấn	1811
33.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
34.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
35.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
36.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại nhà nước cấm)	3240
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
39.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
40.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
41.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

43.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn)	4312
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
45.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
46.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
47.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
49.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
50.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
51.	Bán buôn thực phẩm	4632
52.	Bán buôn đồ uống	4633
53.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
54.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
56.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
57.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

61.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
62.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
64.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
65.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
66.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
67.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kho ngoại quan)	5210
69.	Bốc xếp hàng hóa	5224
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: - gửi hàng - sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - giao nhận hàng hóa - thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn - hoạt động liên quan như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. - logistics	5229
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
72.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
73.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
74.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
75.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820
76.	Lập trình máy vi tính	6201
77.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
78.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
79.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

80.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí);	6312
81.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619(Chính)
82.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (Trừ loại nhà nước cấm) (Trừ loại nhà nước cấm)	6820
83.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
84.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
85.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
86.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
87.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
88.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
89.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
90.	Quảng cáo	7310
91.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)	7320
92.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
93.	Cho thuê xe có động cơ	7710
94.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
95.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động trung tâm dịch vụ việc làm theo Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định về thành lập và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
96.	Đại lý du lịch	7911
97.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: -kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912

98.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
99.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
100.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
101.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
102.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hợp báo)	8230
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh, khai thác và quản lý chợ - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
104.	Đào tạo sơ cấp	8531
105.	Đào tạo trung cấp	8532
106.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;	9329
107.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG MẠNH BẢN	Cụm 10, Xã Phụng Thượng, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.440.000.000	48,000	C6695911	

2	NGUYỄN THỊ HOÀI AN	Số Nhà 59, Ngõ 25, Tổ 4, Phố Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.560.000.000	52,000	012799153	
---	--------------------------	--	---------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOÀI AN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 13/06/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012799153

Ngày cấp: 19/12/2013 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số Nhà 59, Ngõ 25, Tổ 4, Phố Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số Nhà 59, Ngõ 25, Tổ 4, Phố Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội